

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/DS-PT
Ngày 08- 10 - 2019
V/v tranh chấp tiền vay, tiền hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán:

Ông Trương Thanh Dũng

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Chúc Ly – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thanh Tình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp tiền vay, tiền hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Mai Thanh V; sinh năm 1970; địa chỉ: Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Mai Thanh V: Luật sư Nguyễn Duy S – Công ty luật TNHH MTV Thái S, Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Mai Chí B; sinh năm 1977; địa chỉ: Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Đoàn Yến N; sinh năm 1980; địa chỉ: Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Mai Chí B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn anh Mai Thanh V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị N trình bày: Từ năm 2016 đến năm 2018, do chỗ anh em ruột nên vợ chồng anh Vững, chị Ngọc có cho anh Mai Chí B (em ruột của anh V) vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Ngày 01/01/2016 âm lịch vay số tiền 170.000.000 đồng, trong đó 150.000.000 đồng tiền vốn và 20.000.000 đồng tiền lãi; ngày 13/01/2018 âm lịch vay số tiền 100.000.000 đồng; ngày 04/02/2018 âm lịch vay số tiền 200.000.000 đồng, mỗi lần vay các bên có làm biên nhận – vay mượn tiền, tổng số tiền là 470.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào các ngày 08/6/2018 âm lịch anh B có tham gia 01 chung của dây hội 1.000.000 đồng do anh V, chị Y làm chủ hội, 15 ngày khai 01 lần, có 32 chung, anh B đóng được 01 kỳ hội sống là 820.000 đồng, lần thứ 02 anh B bỏ thăm hốt hội 270.000 đồng, được số tiền hốt hội là 21.400.000 đồng, anh B đóng hội chết được 05 kỳ là 5.000.000 đồng, còn nợ lại 27 kỳ hội chết là 27.000.000 đồng, anh B ngưng đóng tiền hội chết 04 kỳ cho đến nay.

Vào ngày 19/6/2018 âm lịch anh B có tham gia 02 chung của dây hội 2.000.000 đồng do anh V, chị N làm chủ hội, 10 ngày khai 01 lần có 36 chung, anh B đóng được 01 kỳ hội sống là 1.500.000 đồng, lần thứ 02 anh B bỏ thăm hốt hội 700.000 đồng, được số tiền hốt hội là 45.200.000 đồng, anh B đóng hội chết được 05 kỳ 10.000.000 đồng, còn nợ lại 31 kỳ hội chết là 62.000.000 đồng, anh B ngưng đóng tiền hội chết 07 kỳ cho đến nay.

Chung hội của dây hội 2.000.000 đồng thứ hai: 10 ngày khai 01 lần, có 36 chung, anh B đóng được 03 kỳ hội sống là 4.250.000 đồng (kỳ 01 là 1.500.000 đồng, kỳ 02 là 1.300.000 đồng và kỳ 03 là 1.450.000 đồng), kỳ hội thứ 04 anh B bỏ thăm hốt hội 610.000 đồng, được số tiền hốt hội là 49.480.000 đồng, anh B đóng hội chết được 02 kỳ là 4.000.000 đồng, còn nợ lại 30 kỳ hội chết là 60.000.000 đồng, anh B ngưng đóng tiền hội chết 06 kỳ cho đến nay. Tổng số tiền nợ hội là 149.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền vay và tiền hội anh B còn nợ anh V, chị N là 619.000.000 đồng. Anh V, chị N không yêu cầu tính lãi trong thời gian giao dịch nhưng yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án.

Bị đơn anh Mai Chí B trình bày: Anh thống nhất theo trình bày anh Mai Thanh V và chị Đoàn Yến N, anh còn nợ anh V, chị N tổng số tiền hội là 149.000.000 đồng do anh V và chị N làm chủ hội.

Riêng tiền vay, từ năm 2013 đến năm 2018 anh có vay của vợ chồng anh V, chị N nhiều lần, cụ thể: Từ năm 2013 đến năm 2016, anh nợ anh V

140.000.000 đồng tiền lãi và mượn anh V 30.000.000 đồng, tổng cộng là 170.000.000 đồng (tiền lãi 140.000.000 đồng của số tiền vay vốn 100.000.000 đồng từ năm 2013), số tiền vốn vay này có anh Dương Văn Đ biết, anh B yêu cầu triệu tập anh Đ để bảo vệ quyền lợi cho anh, khi đó anh V buộc anh làm giấy nhận nợ từ trước đến nay tổng số tiền vốn, lãi ghi biên nhận ngày 01/01/2016 là 170.000.000 đồng thành tiền mượn; tháng 01/2013 âm lịch vay số tiền 100.000.000 đồng vốn; ngày 04/02/2018 âm lịch vay số tiền 200.000.000 đồng vốn. Tổng số tiền vốn anh vay của anh V, chị N là 300.000.000 đồng, tiền mượn 30.000.000 đồng và tiền lãi 140.000.000 đồng, khi vay 100.000.000 đồng lần đầu tiên năm 2013 thì anh V không buộc anh làm biên nhận.

Từ những nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 46/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Thanh V đối với anh Mai Chí B về việc tranh chấp tiền vay, tiền hui.

2. Buộc anh Mai Chí B có nghĩa vụ trả anh Mai Thanh V, chị Đoàn Yến N số tiền vay là 470.000.000 đồng và 149.000.000 đồng tiền nợ hui, tổng cộng là 619.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 12 năm 2018, bị đơn anh Mai Chí B kháng cáo toàn bộ Bản án nêu trên với nội dung: Yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án vì anh đã trả lãi cho khoản vay 100.000.000 đồng là 335.000.000 đồng và trả lãi cho khoản vay 200.000.000 đồng là 324.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của anh Mai Chí B, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu theo hướng chấp nhận số tiền lãi anh B đã trả anh V là 705.000.000 đồng, lấy tổng số tiền lãi theo quy định pháp luật mà anh B phải trả cho khoản vay 100.000.000 đồng và 200.000.000 đồng trừ đi số tiền lãi anh B đã trả, đối trừ vào số tiền nợ gốc thì còn lại là số tiền mà anh B phải trả cho anh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của anh Mai Chí B nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm có căn cứ xác định: Anh B vay tiền anh V với tổng số tiền là 470.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận tiền lãi và thời hạn đóng lãi là có xảy ra trên thực tế. Căn cứ 03 Giấy biên nhận vay mượn tiền (Bút lục 03, 04 và 05) có chữ ký của người cho vay anh V và người nhận vay anh B; Đối với số tiền nợ hui 149.000.000 đồng, anh B thừa nhận có tham gia 03 chung hui trong 02 dây hui do anh V và chị N làm chủ hui gồm dây hui 1.000.000 đồng mở ngày 08/6/2018 âm lịch (anh B tham gia 01 chung) và dây hui 2.000.000 đồng, mở ngày 19/6/2018 âm lịch (anh B tham gia 02 chung). Anh B đã hốt cả 03 chung hui trong 02 dây hui trên nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng hui chết cho anh V và chị N đúng kỳ hạn, còn nợ lại số tiền là 149.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh B cũng thừa nhận các nội dung này. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V đòi anh B có nghĩa vụ trả số tiền vay 470.000.000 đồng và 149.000.000 đồng tiền nợ hui, tổng cộng 619.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của anh Mai Chí B yêu cầu xem xét lại số tiền anh đã đóng lãi cho nguyên đơn, cụ thể:

[4.1] Đối với khoản vay ngày 13/01/2018, số tiền 100.000.000 đồng anh B thừa nhận ngày 13/01/2013 có nhờ anh V vay dùm anh 100.000.000 đồng, lãi 5%/tháng, lúc anh nhận tiền của anh V không có làm biên nhận, đến ngày 13/01/2018 anh mới làm biên nhận cho anh V; đồng thời anh B cung cấp sổ đóng tiền hia D thể hiện “Đóng tiền hia D 100 triệu = 5% ngày 13/01/2013” (bút lục 116, 117), anh B xác định đã đóng lãi cho anh V 69 tháng, mỗi tháng đóng $5.000.000 \text{ đồng} \times 69 \text{ tháng} = 345.000.000 \text{ đồng}$.

[4.2] Đối với khoản vay ngày 04/02/2018 (âl) vay số tiền 200.000.000 đồng anh B thừa nhận anh có vay anh V 200.000.000 đồng khoảng tháng 01/2017, lãi suất hai bên thỏa thuận là 9%/tháng, lúc anh nhận tiền của anh V không có làm biên, đến ngày 04/02/2018 (âl) anh mới làm biên nhận cho anh V. Hàng tháng, anh đều đóng lãi cho anh V, cụ thể anh đóng cho anh V từ ngày 04/02/2017 đến ngày 04/9/2018 được $20 \text{ tháng} \times 18 \text{ triệu} = 360.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền anh B xác định đã đóng lãi cho anh V là 705.000.000 đồng.

[5] Ngày 15/01/2019 anh B cung cấp tay caro nhỏ thể hiện “Đóng tiền hia D=100 triệu = 5% ngày 13/01/2013....4-9=rồi và chữ ký” (bút lục 116-118). Anh B xác định đây là sổ anh theo dõi đóng tiền lãi hàng tháng cho anh V, mỗi tháng anh V nhận tiền lãi đều ký tên vào sổ này. Lý do tại Tòa cấp sơ thẩm anh không cung cấp được sổ theo dõi này là do anh làm thất lạc, khi kháng cáo xong anh mới tìm gặp sổ.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28/01/2019, nguyên đơn anh Mai Thanh V không thừa nhận chữ ký nhận tiền lãi trong sổ anh B cung cấp là chữ ký của anh và yêu cầu giám định chữ ký.

[6.1] Ngày 31/01/2019 bị đơn anh Mai Chí B có đơn yêu cầu giám định chữ ký của anh V. Ngày 27/02/2019 Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định số 03/2019/QĐ-TCGD gửi Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bạc Liêu tiến hành giám định theo yêu cầu của anh B.

Ngày 28/3/2019, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bạc Liêu có công văn Kết luận giám định số 41/GĐ-2019 xác định *“Chữ ký tại các trang 01, trang 03, trang 11 trên tài liệu cần giám định kí hiệu A so với chữ ký đứng tên Mai Thanh Vững trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M1 đến M11 do cùng một người ký ra”*.

[6.2] Sau khi Tòa án thông báo kết luận giám định ngày 28/3/2019 cho các đương sự biết, thì anh V không đồng ý với kết luận giám định trên và có đơn yêu cầu giám định lại chữ ký ở Phân viện khoa học hình sự - Bộ công an tại TP Hồ Chí Minh. Ngày 03/6/2019, Phân viện khoa học hình sự - Bộ công an tại TP Hồ Chí Minh có công văn Kết luận giám định số 2016/C09B xác định *“Chữ ký trên 03 tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 so với chữ ký đứng tên Mai Thanh V trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M12 do cùng một người ký ra”*.

[7] Từ những kết luận nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, có đủ căn cứ chứng minh các chữ ký nhận tiền lãi trong sổ anh B cung cấp là chữ ký của anh V. Anh V thừa nhận năm 2013 anh B có vay 100.000.000 đồng đã trả xong, anh B thì xác định khoản vay này chính là khoản vay tại biên nhận ngày 13/01/2018; anh V xác định năm 2017 có cho anh B vay khoản khác 200.000.000 đồng nhưng không phải khoản vay ngày 04/02/2018 và anh V không có chứng cứ chứng minh cho ý kiến của anh. Thấy rằng, sổ nhận tiền lãi là phù hợp lời khai bị đơn về ngày, tháng, lãi suất và phù hợp kết luận giám định xác định chữ ký nhận tiền của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Mai Chí B và xác định anh V đã nhận tiền lãi của anh B đối với khoản vay 100.000.000 đồng và 200.000.000 đồng là 705.000.000 đồng.

Nay anh B yêu cầu tính lại tiền lãi theo quy định vì mức lãi suất 5%/tháng và 9%/tháng là vượt mức lãi suất của pháp luật nên cần phải tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[8] Về lãi suất, do các đương sự có thỏa thuận về lãi suất nên cần phải tính lại tiền lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005 không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng là 1,125%/tháng (tức 13,5%/năm) và tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay tương ứng là 1,67%/tháng. Vì vậy, anh B có nghĩa vụ trả cho anh V số tiền lãi

tính từ ngày anh B đóng lãi lần đầu tiên đến 31/12/2016 và từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử phúc thẩm, cụ thể như sau:

[8.1] Đối với khoản vay 100.000.000 đồng:

+ Tiền lãi tính từ ngày 13/01/2013^âl (22/02/2013^{dl}) đến ngày 31/12/2016 (lãi suất 13,5%/năm) là: $100.000.000đ \times 1.388 \text{ ngày (03 năm 10 tháng 08 ngày)} \times 13,5\%/năm (360 \text{ ngày}) = 52.050.000đ$;

+ Tiền lãi tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 08/10/2019 (lãi suất 20%/năm) là: $100.000.000đ \times 997 \text{ ngày (02 năm 09 tháng 07 ngày)} \times 20\%/năm (360 \text{ ngày}) = 55.388.889đ$

Tổng số tiền lãi của khoản vay 100.000.000 đồng là 107.438.889đ.

[8.2] Đối với khoản vay 200.000.000 đồng:

Tiền lãi tính từ ngày 04/02/2017^âl (01/3/2017) đến ngày 08/10/2019 (lãi suất 20%/năm) là $200.000.000đ \times 936 \text{ ngày (02 năm 07 tháng 06 ngày)} \times 20\%/năm (360 \text{ ngày}) = 104.000.000đ$

Do đó, tổng số tiền lãi anh B phải trả cho hai khoản vay theo quy định của pháp luật là (lãi khoản vay 100.000.000đ là 107.438.889đ và lãi của khoản vay 200.000.000đ là 104.000.000đ) = 211.438.889đ. Anh B đã trả 705.000.000 tiền lãi, trừ tiền lãi theo quy định pháp luật là 211.438.889đ = 493.561.111đ. Do số tiền lãi anh B trả thừa nên được trừ vào tiền nợ vốn 200.000.000 đồng + 100.000.000 đồng = 300.000.000 đồng. Cụ thể: $493.561.111đ - 300.000.000đ = 193.561.111đ$.

Anh B còn nợ anh V số tiền vay theo biên nhận ngày 01/01/2016 (â)l là 170.000.000 đồng và tiền hụi là 149.000.000 đồng nên số tiền lãi anh B trả thừa được đối trừ tiếp cho số nợ còn lại, cụ thể: $(170.000.000đ + 149.000.000đ) - 193.561.111đ = 125.438.889đ$.

Như vậy, anh B phải trả cho anh V tiền 125.438.889 đồng.

[9] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Mai Chí B và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần bản án Bản án sơ thẩm số 46/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

[10] Đối với yêu cầu của Luật sư là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Như đã phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận đề nghị của Luật sư tại phiên tòa.

[11] Như đã phân tích trên, do Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh B nên đã tính lại lãi suất theo quy định pháp luật và đối trừ vào tiền nợ gốc, đồng thời cũng tính lại án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Vì vậy, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh B phải chịu là $125.438.889đ \times 5\% = 6.271.944đ$.

[12] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên và đã có hiệu lực pháp luật.

[13] Án phí dân sự phúc thẩm anh Mai Chí B không phải chịu theo quy định pháp luật.

[14] Chi phí giám định anh Mai Thanh V phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 161, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hội; khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Mai Chí B, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 46/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Mai Thanh V đối với anh Mai Chí B về việc tranh chấp tiền vay, tiền hội.

2. Buộc anh Mai Chí B có nghĩa vụ trả anh Mai Thanh V, chị Đoàn Yến N số tiền nợ là 125.438.889đ (Một trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi tám ngàn, tám trăm tám mươi chín đồng).

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Mai Thanh V không phải chịu. Anh V đã nộp tạm ứng án phí 15.500.000 đồng biên lai thu tiền số 0012505 ngày 03/10/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nay được hoàn lại đủ; anh Mai Chí B phải chịu 6.271.944 đồng.

3.2 Án phí phúc thẩm: Anh Mai Chí B không phải chịu. Anh B đã nộp 300.000 đồng biên lai thu tiền số 0012577 ngày 03/12/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

4. Về chi phí giám định: Anh Mai Thanh V phải chịu 4.125.000 đồng. Anh B đã nộp 3.825.000đ, anh V đã nộp 300.000 đồng, anh V phải hoàn trả cho anh B 3.825.000 đồng.

5. Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND Tx G;
- CCTHADS Tx G;
- Các đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Thị Túy Giang